

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư 03/2022/TT-BXD ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Thực hiện Thông báo Kết luận số 2056-TB/TU ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về phương án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thành phố Hà Nội và Thông báo Kết luận số 2074 - TB/TU ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về phương án sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 707/TTr-QHKT ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 530/TTr-SNV ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc và thực hiện một số nhiệm vụ về quản lý đô thị, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng.

3. Trụ sở chính: 31B phố Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến ngành, hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc thuộc phạm vi quản lý của Sở và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc; chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Quy hoạch – Kiến trúc Hà Nội;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ngành, hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và theo phân cấp của cơ quan quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc theo phân công, ủy quyền (nếu có);

b) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Quy hoạch – Kiến trúc Hà Nội.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch và các văn bản khác thuộc ngành, hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về quy hoạch:

Hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn gồm: quy hoạch đô thị đối với Thành phố trực thuộc Thành phố, thị trấn, thị xã; Quy hoạch nông thôn đối với huyện, thị xã; Quy hoạch nông thôn đối với khu chức năng; Quy hoạch không gian ngầm; Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật.

a) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, thiết kế đô thị; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu

chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch; kiểm tra việc thực hiện pháp luật đối với các nội dung khác thuộc hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn;

b) Tổ chức lập, thẩm định, Trình UBND Thành phố phê duyệt hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn theo quy định;

d) Hướng dẫn, quản lý và tổ chức thực hiện các Hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt trên địa bàn theo phân cấp, bao gồm: Tổ chức công bố, công khai các quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý hồ sơ các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; cung cấp thông tin về quy hoạch;

đ) Cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch đô thị và nông thôn đối với cá nhân, chứng chỉ năng lực của tổ chức tham gia thiết kế quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc theo quy định của pháp luật về xây dựng; Tổ chức sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch đô thị và nông thôn;

e) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn.

5. Về kiến trúc:

a) Thực hiện và phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và giám sát chất lượng kiến trúc trong dự án đầu tư xây dựng;

b) Tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; hướng dẫn và kiểm tra với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập, thẩm định quy chế quản lý kiến trúc đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt và ban hành của Ủy ban nhân dân cấp huyện; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý kiến trúc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành; kiểm tra việc thực hiện pháp luật đối với các nội dung khác thuộc lĩnh vực kiến trúc; tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc định kỳ 05 năm hoặc đột xuất để xem xét, điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc;

c) Lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề kiến trúc; công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc đối với người nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật, đăng tải và cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân hành nghề quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc có trụ sở chính trên địa bàn.

6. Về phát triển đô thị.

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức lập các loại chương trình phát triển đô thị hoặc thẩm định các chương trình phát triển đô thị theo thẩm quyền; xác định các khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện; xác định các

chỉ tiêu về lĩnh vực phát triển đô thị trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển các đô thị đồng bộ, các khu đô thị mới, các chính sách, giải pháp quản lý quá trình phát triển đô thị, các mô hình quản lý đô thị; tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, ban hành;

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch của Thành phố, bao gồm: chương trình nâng cấp đô thị, chương trình phát triển đô thị, kế hoạch hành động xây dựng, phát triển đô thị thông minh, nâng cao năng lực quản lý đô thị, các chương trình khác có liên quan đến phát triển đô thị;

d) Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm, đề xuất việc tổ chức hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị đối với các đô thị đã được công nhận loại đô thị; hướng dẫn, kiểm tra các đề án công nhận loại đô thị trình Ủy ban nhân dân Thành phố để trình cấp có thẩm quyền công nhận loại đô thị; tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề án đề nghị công nhận đô thị loại V;

đ) Phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động về phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch đã được phê duyệt;

e) Quản lý quá trình đô thị hóa, quản lý phát triển không gian đô thị (bao gồm không gian trên mặt đất và không gian ngầm), các mô hình phát triển đô thị; quản lý kế hoạch, chương trình nâng cấp cải tạo, chỉnh trang đô thị; hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị; hướng dẫn kiểm tra việc tổ chức thi hành và theo dõi thi hành pháp luật về phát triển đô thị;

g) Theo dõi, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình phát triển đô thị trên địa bàn Thành phố; tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về tình hình phát triển đô thị trên địa bàn.

7. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế về các lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

9. Xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống thông tin, tư liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Sở được giao theo quy định của pháp luật. Tham mưu xây dựng và giám sát các tổ chức triển khai thực hiện chương trình phát triển đô thị.

10. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

11. Thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc; xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm.

12. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở theo quy định pháp luật hoặc theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

13. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc theo quy định của Bộ Xây dựng và sự phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

14. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, Thanh tra, các phòng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo hướng dẫn chung của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, viên chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

16. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

17. Thẩm định dự toán, kinh phí đồ án quy hoạch, các nhiệm vụ khác theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các phòng và tương đương thuộc Sở (08 phòng):

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Tổng hợp;
- d) Phòng Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật;
- đ) Phòng Quy hoạch - kiến trúc Bắc sông Hồng;
- e) Phòng Quy hoạch - kiến trúc Nam sông Hồng;
- g) Phòng Quy hoạch - kiến trúc Đô thị vệ tinh và nông thôn;
- h) Phòng Quản lý hoạt động quy hoạch, kiến trúc, đô thị;

2. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở:

Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc.

Điều 4. Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở và số lượng cấp phó các tổ chức, đơn vị thuộc sở

1. Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở

- a) Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội có Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- b) Giám đốc Sở là người đứng đầu sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;
- c) Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc sở vắng mặt, một Phó Giám đốc sở được Giám đốc sở ủy quyền thay Giám đốc sở điều hành các hoạt động của sở. Phó Giám đốc sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- d) Việc bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước;
- đ) Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố, theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

2. Số lượng cấp phó phòng, ban, đơn vị thuộc Sở

- a) Số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở thực hiện theo quy định;
- b) Số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định.

Điều 5. Biên chế công chức và số lượng người làm việc

1. Biên chế của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội bao gồm biên chế công chức và số lượng người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc và nằm trong tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố do cấp có thẩm quyền giao.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội trình Ủy ban nhân dân Thành phố để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2024 của UBND Thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã trực thuộc thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Thành ủy,
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- VPUBNDTP: các PCVP,
các phòng: TH, NC, ĐT;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Sơn